TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HSST
Ngày 16/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huấn; bà Vũ Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 2 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025, đối với:

+ **Bị cáo:** Vũ Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Tuấn T1 và bà Nguyễn Thị N; chồng: không; con: 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 29/9/1999, bị Tòa phúc thẩm TAND Tối cao xử phạt 11 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy".* Ngày 04/02/2009, T chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 26/8/2024, T nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung (Chưa được xóa án tích); nhân thân: Ngày 11/6/1994, bị TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù về tội "*Công nhiên chiếm đoạt tài sản"*; Ngày 18/11/2009, bị TAND huyện Duy Tiên (nay là thị xã D) tỉnh Hà Nam xử phạt 08 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Bạch Công T2, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

2. Anh Nguyễn Phương K, sinh năm 2005, nơi cư trú: Tổ dân phố số F, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

3. Anh Phạm Đức D, sinh năm 2006, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

4. Anh Nguyễn Như N1, sinh năm 1999, nơi cư trú: Tổ dân phố số E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

5. Anh Trần Công T3, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn M, xã T, thị xã D, tỉnh

Hà Nam.

6. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

7. Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 2008, nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo chỉ định: Ông Nguyễn Ngọc H1 – Phó bí thư Đoàn phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

8. Anh Đào Văn D1, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn L, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

9. Anh Thạch Quang V, sinh năm 2008, người đại diện theo pháp luật: Ông Thạch Văn N2, sinh năm 1983, cùng nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

10. Anh Nguyễn Kế L, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

11. Anh Trần Doãn K1, sinh năm 2004, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

12. Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

13. Anh Kiều Quang T4, sinh năm 1999, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

14. Anh Nguyễn Trường T5, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ dân phố số C, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

15. Anh Lê Đức K2, sinh năm 2006, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo chỉ định: Ông Nguyễn Ngọc H1 – Phó bí thư Đoàn phường H

16. Anh Nguyễn Như C, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ dân phố số E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

17. Anh Trần Hữu N3, sinh năm 1996, nơi cư trú: thôn T, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

18. Anh Nguyễn Như N4, sinh năm 2002, nơi cư trú: Tổ dân phố số E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

19. Anh Vũ Ngọc L1, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

20. Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 2003, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

21. Anh Bùi Đình Hồng V1, sinh năm 2005, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

22. Anh Đỗ Văn T6, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn C P, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

23. Anh Lê Đức Tuấn A, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

24. Anh Trần Ngọc L2, sinh năm 2003, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

25. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

26. Anh Bùi Anh T7, sinh năm 2005, nơi cư trú: Xóm B, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

27. Anh Phạm Văn T8, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

28. Anh Thạch Văn N2, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

29. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

30. Ông Bạch Văn V2, sinh năm 1961, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

31. Bà Tạ Thị C1, sinh năm 1974, nơi cư trú: Thôn A P, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

32. Ông Trần Đồng T9, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ dân phố số B, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

33. Anh Nguyễn Hồng V3, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội.

34. Ông Lê Văn K3, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tiểu khu T, thị trấn P, huyện P, thành phố Hà Nội.

35. Anh Nguyễn Thành L3, sinh năm 1995, nơi cư trú: L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

36. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1955, nơi cư trú: Xóm I, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

37. Anh Trần Đồng N5, sinh năm 1995, nơi cư trú: V, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

38. Anh Đàm Quang T10, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

39. Anh Trịnh Thanh T11, sinh năm 1999, noi cư trú: Tổ A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

40. Anh Trần Quý T12, sinh năm 2003, nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

41. Ông Thái Bá T13, sinh năm 1950, noi cư trú: số nhà A, B, ngõ M, quận H, thành phố Hà Nội.

42. Anh Vũ Thành L4, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

43. Anh Tạ Văn L5, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn A P, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

44. Ông Nguyễn Văn T14, sinh năm 1950, nơi cư trú: Tổ G, ngõ B, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

45. Bà Dương Thị C2, sinh năm 1973, nơi cư trú: Xóm E, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

46. Anh Vũ Anh T15, sinh năm 1982, nơi cư trú: L, Vinnhomes C, B N, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

47. Anh Nguyễn Hồng V3, sinh năm 1987, nơi cư trú: A T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

48. Anh Lê Đức Anh T16, sinh năm 1998, nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

49. Anh Lưu Kim T17, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

50. Anh Hoàng Văn H3, sinh năm 2003, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

51. Anh Nguyễn Văn T18, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

52. Anh Trần Anh Q2, sinh năm 2006, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/8/2024, tại Khách sạn C3 thuộc tổ dân phố A, phường H, thị xã D, Bạch Công T2 đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i màu đen bạc, BKS 90B3-605.73 trị giá 75.000.000đ của anh Trần Anh D2, sinh năm 1997, trú tại tổ dân phố D, phường C, thành phố P để đi lấy tiền nhưng sau đó, Tòa đã đem xe mô tô BKS 90B3-605.73 của anh D2 đến nhà Vũ Thị T cầm cố để vay số tiền 13.500.000đ của T. Do không có khả năng chuộc xe mô tô về trả cho anh D2 nên ngày 22/8/2024, Bạch Công T2 đã đến Công an thị xã D đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 22/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Thị T tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D thu giữ gồm:

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số X736091 mang tên Lê Văn Q3.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số DL501540 mang tên Trần Thị M.

+ 01 giấy ủy quyền ruộng nông nghiệp ngày 10/11/2021 của Vũ Đình H4 (bản viết tay).

+ 01 giấy bán ruộng vĩnh viễn ngày 15/10/2020 của Trần Văn N6 (bản viết tay).

+ 01 đơn xin xác nhận ngày 26/9/2022 của Vũ Thị T (bản viết tay).

+ 01 giấy mua ruộng ngày 29/7/2020 của Vũ Thị T.

+ 01 biên bản cam kết quyền sử dụng đất ngày 01/01/2020 của Trần Thị M (bản đánh máy).

+ 01 giấy ủy quyền ngày 10/06/2022 của Vũ Văn M1 (bản viết tay).

+ 01 biên bản về việc cam kết chuyển quyền sử dụng đất 115 và 990 (bản đánh máy).

+ 01 giấy vay tiền của Nguyễn Đình H5, sinh ngày 02/10/1979.

+ 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thành L3, sinh ngày 25/08/1997.

+ 01 giấy mượn xe của Hoàng Văn T19, sinh năm 1986, trú tại Đ, D, D.

+ 01 đầu thu camera màu đen, nhãn hiệu HIKVISION, số model DS-7204HGHI-K1, tình trạng đã qua sử dụng.

+ 32 chiếc xe mô tô các loại, gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WINNER, màu sơn đỏ - đen - trắng,mang biển kiểm soát: 88E1-250.71, có số khung: RLHKC2600GY310700, số máy: KC26E1156827, tình trạng đã qua sử dụng.

2. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh,mang biển kiểm soát: 90F7-2779, có số khung: RLHHC09053Y529785, số máy: HC09E-0529846,tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 13-8 2.

3. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RS, màu sơn vàng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-361.85, có số khung: RLHHC09006Y559815, số máy: HC09E-6558802, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 19-8 3.

4. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn đen bạc, mang biển kiểm soát: 90LD-400.19, có số khung: RLHJA3914KY326886, số máy: JA39E-1191822,tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 20-8 4.

5. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe BLADE, màu sơn đỏ đen, mang biển kiểm soát: 90B1-871.35, có số khung: RLHJA3601EY507749, số máy: JA36E-0054125, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 03-8 2T050.

6. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đen, không mang biển kiểm soát, không có số khung, số máy, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 29-7 3.

7. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đen bạc, không mang biển kiểm soát, không có số khung, số máy, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 14-7 3.

8. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ đen, mang biển kiểm soát: 89L3-0815, có số khung: RLHJC432XAY529538, số máy: JC43-5655027, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 21-8 3.

9. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AIRBLADE, màu sơn đen vàng đồng, mang biển kiểm soát: 29Y3-582.41, có số khung: RLHJF6333LZ466596, số máy: JF94E0052649, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 14-8 3.

10. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 29H1-859.58, có số khung: RLHJA3904HY254586, số máy: JA39E-0254294, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 19-8 4.

11. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-163.60, có số khung: RLHJA3915LY097183, số máy: JA39E-1434809, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 29/7 3.

12. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe BLADE, màu sơn đen trắng bạc, mang biển kiểm soát: 29Y3-654.33, có số khung: RLHJA3685MY015777, số máy: JA36E1046125, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 16-8 4T5.

13. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ đen, mang biển kiểm soát: 98M4-2167, có số khung: RLHHC09026Y216598, số máy: HC09E6216573, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 23-7 3.

14. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn xanh đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-512.90, có số khung: RLHJA3928NY007438, số máy: JA39E2503293, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 19-8 4.

15. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-438.82, có số khung: RLHJA3924MY085245, số máy: JA39E2202547, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 7/7 4.

16. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn bạc đen, mang biển kiểm soát: 29V3-3607, có số khung: RLHHC09006Y125880, số máy: HC09E6125910, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 24/7 3.

17. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-524.88, có số khung: RLHJA3927NY019046, số máy: JA39E2514916, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 16-8 5.

18. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 28L1-210.27, có số khung: RLHJA3929NY105720, số máy: JA39E2602649, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 16-8 5.

19. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng, mang biển kiểm soát: 28D1-006.44, có số khung: RLHHC1251FY061876, số máy: HC12E7061955, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 12-8 1T5.

20. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B1-916.07, có số khung: RLHHC1213DY547745, số máy: HC12E5547855, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 03-7 3.

21. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe VISION, màu sơn đỏ đen, không mang biển kiểm soát, không có số khung, số máy, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 09-7 4.

22. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AIRBLADE, màu sơn đen vàng, mang biển kiểm soát: 90AF023.92, có số khung: RLHJK1401PZ304961, số máy: JK14E0330945, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 20-8 7.

23. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-005.49, có số khung: RLHJA3914KY257102, số máy: JA39E1116927, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 20-7 5.

24. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu sơn nâu, mang biển kiểm soát: 90B1-717.38, có số khung: RLHHA0805AY389404, số máy: HA08E-1689473, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 11-8 2T5.

25. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc, mang biển kiểm soát: 29F1-125.22, có số khung: RLHHC1202BY506267, số máy: HC12E3306287, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 22-8 4T5.

26. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B1-673.51, có số khung: RLHHC121XDY216855, số máy: HC12E5216973, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 28/7 3.

27. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn xanh, không mang biển kiểm soát, có số khung: RLHJA3916KY233755, số máy: JA39E1093664, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 30-7 3.

28. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn xanh đen bạc, mang biển kiểm soát 90B2-448.58, có số khung: RLHJA3903HY062849, số máy: JA39E0062905, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 05-8 4.

29. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu sơn đỏ xám đen, mang biển kiểm soát 59P1-131.34, có số khung: RLHJC4319BY148109, số máy: JC43E1706082, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 22-8 3.

30. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AIRBLADE, màu sơn đen vàng đồng, mang biển kiểm soát: 90B3-350.12, có số khung: RLHJF633XKZ201320, số máy: JF94E-0003211, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 02-7 5.

31. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ xám đen, mang biển kiểm soát 90B1-345.85, có số khung: RLHJC5220CY736904, số máy: JC52E-5240937, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 26-7 3.

32. Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe VISION màu sơn trắng, mang biển kiểm soát 29Y3-420.29, có số khung: RLHJK0341RZ462279, số máy: JK03E-6377799, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 22-8 5.

- Tài sản, đồ vật Vũ Thị T giao nộp:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH 150i, màu sơn đen bạc, BKS: 90B3-605.73, có số khung RLHKF4203MY006846, số máy: KF42E0029226;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphne 12 ProMax, vỏ màu vàng, có số IMEI: 356717112850317, IMEI2: 356717113062250, bên trong lắp 01 sim Vittel, trên sim có dãy số: 8984048008812199930.

Quá trình điều tra, Vũ Thị T khai nhận từ đầu năm 2023, T kinh doanh dịch vụ chuyển và nhận tiền vào tài khoản cho khách lấy phí. Trong quá trình kinh doanh dịch vụ trên, T đã nhận cầm cố tài sản của khách để cho vay tiền lấy lãi. Toàn bộ 33 chiếc xe mô tô trên đều là xe do Thu nhận cầm cố để cho người khác vay tiền lấy lãi dưới hình thức giao dịch bằng tiền mặt và chuyển khoản bằng 02 số tài khoản 1040191971999 và 62989886868 đều mở tại ngân hàng M2 của mình.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã điều tra, xác minh, làm rõ trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến ngày 22/8/2024 Vũ Thị T đã cho 27 người cầm cố xe mô tô để vay tiền với tổng số 66 lần, cụ thể như sau:

1. Bạch Công T2, sinh năm 1988, cư trú tại Đ, phường Đ, thị xã D.

- Lần thứ 1: Ngày 05/01/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô Honda Wave Anpha BKS 90B3-005.49 vay của T 4.500.000 đồng. Đến ngày 16/01/2024, anh T2 đến chuộc xe và trả T 6.000.000 đồng gồm 4.500.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Trong 12 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 1.500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T2 vay là 29.589 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.500.000 đồng, (lãi suất 759,2%/năm, gấp 37,96 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng – 29.589 đồng = 1.470.411 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 17/01/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-005.49 vay của T 5.200.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T2 02 lần, (lần thứ nhất là 4.950.000 đồng và lần thứ hai là 200.000 đồng). Đến ngày 05/02/2024, anh T2 đến chuộc xe và trả T số tiền 6.500.000 đồng (gồm 5.200.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi). Trong 20 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 1.300.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T2 vay là 56.986 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.300.000 đồng (lãi suất 456,25%/năm, gấp 22,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.300.000 đồng – 56.986 đồng = 1.243.014 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 06/6/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-005.49 vay của T 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho Toà số tiền 4.950.000 đồng. Trong ngày, anh T2 đến chuộc xe và trả T 5.400.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 400.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T2 vay là 2.739 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 400.000 đồng (lãi suất 2.920%/năm, gấp 146 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 400.000 đồng – 2.739 đồng = 397.261 đồng.

- Lần thứ 4: Ngày 08/6/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-005.49 vay của T 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T2 số tiền 4.450.000 đồng. Đến ngày 17/6/2024, Toà đến chuộc xe và trả T 5.100.000 đồng gồm 4.500.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi. Trong 10 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 600.000 đồng.

Lãi suất tối đa T được hưởng khi cho anh T2 vay là 24.657 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 600.000 đồng (lãi suất 486,65%/năm, gấp 24,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 600.000 đồng – 24.657 đồng = 575.343 đồng.

- Lần thứ 5: Ngày 21/6/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-005.49 vay của T 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T2 số tiền 4.450.000 đồng. Đến ngày 28/6/2024, anh T2 đến chuộc xe và trả T 5.200.000 đồng gồm 4.500.000 đồng tiền gốc và 700.000 đồng tiền lãi. Trong 08 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 700.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T2 vay là 19.726 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 700.000 đồng (lãi suất 614%/năm, gấp 30,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 700.000 đồng – 19.726 đồng = 680.274 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của Tòa là **4.366.303 đồng.**

2. Nguyễn Phương K, sinh năm 2005, cư trú tại tổ dân phố F, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 24/01/2024, anh K cầm cố xe mô tô Honda Wave Anpha BKS 90B3-512.90 vay của T 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho K số tiền 4.450.000 đồng. Đến ngày 30/01/2024, anh K đến chuộc xe và trả T 5.500.000 đồng. Trong 07 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 1.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K vay là 17.260 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.000.000 đồng (lãi suất 1.158%/năm, gấp 57,9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng – 17.260 đồng = 982.740 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 12/6/2024, anh K cầm cố xe mô tô BKS 90B3-512.90 vay của T 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh K số tiền 4.450.000 đồng. Đến ngày 21/6/2024, anh K đến chuộc xe và trả T 6.500.000 đồng. Trong 10 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K vay là 24.657 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 2.000.000 đồng (lãi suất 1.622%/năm, gấp 81 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng – 24.657 đồng = 1.975.343 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 05/7/2024, anh K cầm cố xe mô tô BKS 90B3-512.90vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh K số tiền 3.950.000 đồng. Đến ngày 14/7/2024, anh K đến chuộc xe và trả T 6.000.000 đồng. Trong 10 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K vay là 21.917 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 2.000.000 đồng (lãi suất 1.825%/năm, gấp 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng – 21.917 đồng = 1.978.083 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của K là **4.936.165 đồng**.

3. Phạm Đức D, sinh năm 2006, cư trú tại tổ dân phố Đ, phường Y, thị xã D.

- Lần thứ 1: Ngày 20/7/2024, anh D cầm cố xe mô tô Honda Wave Anpha BKS 90B2-448.58 vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh D số tiền 3.950.000 đồng. Trong ngày 20/7/2024, anh D đến chuộc xe và trả T 4.500.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh D vay là 2.191 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 4.562,5%/năm, gấp 228,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 2.191 đồng = 497.809 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 03/8/2024, anh D cầm cố xe mô tô BKS 90B2-448.58 vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh D số tiền 3.950.000 đồng. Trong ngày, anh D đến chuộc xe và trả T 4.500.000 đồng. Trong 01 ngày, tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh D vay là 2.191 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 4.562,5%/năm, gấp 228,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 2.191 đồng = 497.809 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của D là **995.618 đồng**.

4. Nguyễn Như N1, sinh năm 1999, cư trú tại tổ dân phố E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 01/6/2024, anh N1 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-290.14 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh N1 số tiền 4.950.000 đồng. Đến ngày 03/6/2024, anh N1 đến chuộc xe và trả T 5.900.000 đồng. Trong 03 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 900.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh N1 vay là 8.219 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 900.000 đồng (lãi suất 2.190%/năm, gấp 109,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T chiếm hưởng trái phép là 900.000 đồng – 8.219 đồng = 891.781 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 24/6/2024, anh N1 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-290.14 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh N1 số tiền 4.950.000 đồng. Đến ngày 25/6/2024, anh N1 đến chuộc xe và trả T 5.400.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của của khoản vay trên là 400.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh N1 vay là 5.479 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 400.000 đồng (lãi suất 1.460%/năm, gấp 73 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 400.000 đồng – 5.479 đồng = 394.521 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 25/6/2024, anh N1 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-290.14 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh N1 số tiền 4.950.000 đồng. Đến ngày 27/6/2024, anh N1 đến chuộc xe và trả T 6.000.000 đồng. Trong 03 ngày, tiền lãi của khoản vay trên là 1.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh N1 vay là 8.219 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.000.000 đồng (lãi suất 2.433%/năm, gấp 121,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng – 8.219 đồng = 991.781 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của N1 là **2.278.000 đồng**.

5. Trần Công T3, sinh năm 2001, trú tại thôn M, xã T, thị xã D.

- Lần thứ 1: Ngày 06/7/2024, anh T3 cầm cố xe mô tô Honda Wave Anpha BKS 90LD-400.19 vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T3 số tiền 3.950.000 đồng. Đến ngày 05/8/2024, anh T3 đến chuộc xe và trả T 6.500.000 đồng. Trong 01 tháng, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T3 vay là 65.753 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 2.500.000 đồng (lãi suất 760,4%/năm, gấp 38 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng – 65.753 đồng = 2.434.247 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 07/8/2024, anh T3 cầm cố xe mô tô BKS 90LD-400.19 vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T3 số tiền 3.950.000 đồng. Trong ngày 07/8/2024, anh T3 đến chuộc xe và trả T 4.400.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 400.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T3 vay là 2.191 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 400.000 đồng (lãi suất 3.650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 400.000 đồng – 2.191 đồng = 397.809 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của T3 là **2.832.046 đồng.**

6. Phạm Văn H, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

- Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 7/2024, anh H cầm cố xe mô tô Honda Airblade BKS 29Y3-582.41 vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh H số tiền 1.950.000 đồng, 04 ngày sau anh H đến chuộc xe và trả T 4.000.000 đồng. Trong 04 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh H vay là 4.383 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 2.000.000 đồng (lãi suất 9.125%/năm, gấp 456,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng – 4.383 đồng = 1.995.617 đồng.

- Lần thứ 2: Trong tháng 7/2024, anh H cầm cố xe mô tô BKS 29Y3-582.41 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh H số tiền 4.950.000 đồng, 06 ngày sau anh H đến chuộc xe và trả T 6.600.000 đồng. Trong 06 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 1.600.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh H vay là 16.438 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.600.000 đồng (lãi suất 1.946%/năm, gấp 97 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.600.000 đồng – 16.438 đồng = 1.583.562 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của H là **3.579.179 đồng.**

7. Nguyễn Minh Q, sinh năm 2008, cư trú tại cư trú tại tổ dân phố S, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Trong tháng 12/2023, anh Q cầm cố xe mô tô BKS 90B2-965.17 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh Quân S1 tiền 4.500.000 đồng. Trong ngày, anh Q đến chuộc xe và trả T 5.000.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh Q vay là 2.739 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 3.650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 2.739 đồng = 497.261 đồng.

- Lần thứ 2: Trong tháng 12/2023, sau lần cầm cố trước khoảng 01 tuần, anh Q cầm cố xe mô tô BKS 90B2-965.17 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh Quân S1 tiền 4.500.000 đồng. Trong ngày, anh Q đến chuộc xe và trả T 5.000.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh Q vay là 2.739 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 3.650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 2.739 đồng = 497.261 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của Q là **994.522 đồng**.

8. Đào Văn D1, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố A L, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 10/7/2024, anh D1 cầm cố xe mô tô BKS 90B7-026.93 vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho D1 số tiền 1.950.000 đồng. Trong ngày, anh D1 đến chuộc xe, trả Thu 2.500.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh D1 vay là 1.095 đồng tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 9.125%/năm, gấp 456,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 1.095 đồng = **498.095 đồng.**

9. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995, cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 18/7/2024, anh H2 cầm cố xe mô tôHonda Wave Anpha, BKS 90B1-673.51 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh H2 số tiền 1.950.000 đồng. Đến ngày 26/7/2024, anh H2 đến chuộc xe và trả T 3.200.000 đồng. Trong 09 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 1.200.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh H2 vay là 9.863 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.200.000 đồng (lãi suất 1.622%/năm, gấp 81,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng – 9.863 đồng = **1.190.137 đồng**.

10. Thạch Quang V, sinh năm 2008, cư trú tại tổ dân phố V, phường Y, thị xã D.

- Lần thứ 1: Khoảng tháng 5/2024, V cầm cố xe mô tô Honda Wave, BKS 90F7-2779 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho V số tiền 1.950.000 đồng. Trong ngày, V đến chuộc xe và trả T 2.200.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 200.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho V vay là 1.095 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 200.000 đồng (lãi suất 3,650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 200.000 đồng – 1.095 đồng = 198.905 đồng.

- Lần thứ 2: Sau lần vay trên khoảng 03 ngày, V cầm cố xe mô tô BKS 90F7-2779 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho V số tiền 1.950.000 đồng. Trong ngày, V đến chuộc xe và trả T 2.200.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 200.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho V vay là 1.095 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 200.000 đồng (lãi suất 3,650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 200.000 đồng – 1.095 đồng = 198.905 đồng.

- Lần thứ 3: Khoảng tháng 6/2024, V cầm cố xe mô tô BKS 90F7-2779 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho V số tiền 1.950.000 đồng. Trong ngày, V đến chuộc xe và trả T 2.200.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 200.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho V vay là 1.095 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 200.000 đồng (lãi suất 3,650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 200.000 đồng – 1.095 đồng = 198.905 đồng.

- Lần thứ 4: ngày 09/7/2024, V cầm cố 02 chiếc xe mô tô gồm 01 xe BKS 90F7-2779 và 01 xe loại Wave 110 màu đen không nhớ BKS mượn của bạn để vay của T số tiền 5.000.000 đồng (cầm cố 01 xe để vay 2.000.000 đồng; cầm cố 01 xe để vay 3.000.000 đồng) T lấy 100.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho V số tiền 4.900.000 đồng. Đến ngày 19/7/2024, V cùng bố là Thạch Văn N2 đến chuộc xe, trả cả gốc và lãi của 02 xe là 7.000.000 đồng. Trong 11 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho V vay là 30.136 đồng, số tiền lãi thực tế T đã thu là 2.000.000 đồng (lãi suất 1.337%/năm, gấp 66,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng – 30.136 đồng = 1.969.866 đồng.

Tổng số tiền T thu lời bất chính của V là **2.566.579 đồng**.

11. Nguyễn Kế L, sinh năm 1987, cư trú tại tổ dân phố B, phường H, thị xã D.

Khoảng tháng 5/2024, anh L đến cầm cố xe mô tô BKS 90B2- 291.31 để vay của T số tiền 2.500.000 đồng, 07 ngày sau L đến chuộc xe và trả T 3.100.000 đồng. Trong 07 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 600.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh L vay là 9.589 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 600.000 đồng (lãi suất 1.251%/năm, gấp 62,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 600.000 đồng – 9.589 đồng = **590.411 đồng**.

12. Trần Doãn K1, sinh năm 2004, cư trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 26/5/2024, anh K1 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-416.87 để vay của T số tiền 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh K1 số tiền 4.450.000 đồng. Đến ngày 21/6/2024, anh K1 đến chuộc xe và trả T 6.700.000 đồng. Trong 27 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.200.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K1 vay là 66.575 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 2.200.000 đồng (lãi suất 660,9%/năm, gấp 33 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.200.000 đồng – 66.575 đồng = 2.133.425 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 27/7/2024, anh K1 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-416.87 để vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh K1 số tiền 3.950.000 đồng. Đến ngày 28/7/2024, anh K1 đến chuộc xe và trả T 4.500.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K1 vay là 4.383 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 2.281%/năm, gấp 114 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 4.383 đồng = 495.617 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 18/8/2024, anh K1 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-416.87 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho K1 số tiền 2.950.000 đồng. Ngày 19/8/2024, K1 đến chuộc xe và trả T 3.500.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K1 vay là 3.287 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 3.041%/năm, gấp 152 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 3.287 đồng = 496.713 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của K1 là **3.125.755 đồng.**

13. Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1997, cư trú tại tổ dân phố H, phường D, thị xã D.

- Lần thứ 1: Một ngày trong tháng 4/2024, anh Q1 cầm cố xe mô tô BKS 90B6-011.29 để vay của T số tiền 3.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh Q1 số tiền 3.450.000 đồng. Đến ngày hôm sau, anh Q1 đến

chuộc xe và trả T 4.000.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh Q1 vay là 3.835 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 2.607%/năm, gấp 130,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 3.835 đồng = 496.165 đồng.

- Lần thứ 2: Sau lần vay tiền của T trên khoảng 02 ngày, anh Q1 đến cầm cố xe mô tô để vay của T số tiền 3.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho Q1 số tiền 3.450.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau không thấy Q1 đến chuộc xe, T đã bán chiếc xe của Q1 cho một người không quen biết với giá 4.000.000 đồng. Trong 30 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh Q1 vay là 57.534 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 173,7%/năm, gấp 8,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 57.534 đồng = 442.466 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của Q1 là **938.632 đồng**.

14. Kiều Quang T4, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố V, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Một ngày cuối tháng 9/2023, anh T4 cầm cố xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen (không nhớ BKS) để vay T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T4 số tiền 1.950.000 đồng. Đến ngày hôm sau, T4 đến chuộc xe và trả T 2.500.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T4 vay là 2.191 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 4.562,5%/năm, gấp 228,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 2.191 đồng = **497.809 đồng**.

15. Nguyễn Trường T5, sinh năm 1995, cư trú tại tổ dân phố C, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 10/3/2024, anh T5 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-515.12 để vay của T số tiền 6.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T5 số tiền 5.950.000 đồng. Đến ngày 13/3/2024, anh T5 đến chuộc xe và trả T 6.500.000 đồng. Trong 04 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T5 vay là 13.150 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 760,4%/năm, gấp 38 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 13.150 đồng = 486.850 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 12/4/2024, anh T5 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-515.12 để vay của T số tiền 6.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T5 số tiền 5.950.000 đồng. Đến ngày 18/4/2024, anh T5 đến chuộc xe và trả

T 6.500.000 đồng. Trong 07 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T5 vay là 13.150 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 434,5%/năm, gấp 21,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 23.013 đồng = 476.987 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 19/4/2024, anh T5 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-515.12 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho T5 số tiền 2.950.000 đồng. Đến ngày 20/4/2024, T5 đến chuộc xe, trả Thu 3.500.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh T5 vay là 3.287 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 3.041,6%/năm, gấp 152 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 3.287 đồng = 496.713 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của T5 là **1.460.550 đồng**.

16. Lê Đức K2, sinh năm 2006, cư trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Một ngày cuối tháng 10/2023, anh K2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-343.55 để vay của T số tiền 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho K2 số tiền 4.450.000 đồng, 10 ngày sau K2 đến chuộc xe và trả T số tiền 9.500.000 đồng (gồm 4.500.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi). Trong 10 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 5.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K2 vay là 24.657 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 5.000.000 đồng (lãi suất 4.055,5%/năm, gấp 202,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng – 24.657 đồng = 4.975.343 đồng.

- Lần thứ 2: Một ngày cuối tháng 11/2023, anh K2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-343.55 để vay của T số tiền 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh K2 số tiền 4.450.000 đồng, 15 ngày sau anh K2 đến chuộc xe và trả T số tiền 10.000.000 đồng (gồm 4.500.000 đồng tiền gốc và 5.500.000 đồng tiền lãi). Trong 15 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 5.500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh K2 vay là 36.986 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 5.500.000 đồng (lãi suất 2.974%/năm, gấp 148,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng – 36.986 đồng = 5.463.014 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của K2 là **10.438.357 đồng**.

17. Nguyễn Như C, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Ngày 08/7/2024, anh C cầm cố xe mô tô (không nhớ đặc điểm và BKS) để vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh C số tiền 4.950.000 đồng. Ngày 09/7/2024, anh C đến chuộc xe và

trả T 5.500.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh C vay là 5.479 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 500.000 đồng (lãi suất 1.825%/năm, gấp 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 5.479 đồng = 494.521 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 09/7/2024, anh C cầm cố xe mô tô Honda Wave RS, BKS 90B3-361.85 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh C số tiền 2.950.000 đồng. Ngày 10/7/2024, anh C đến chuộc xe và trả T 3.300.000 đồng. Trong 02 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 300.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh C vay là 3.287 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 300.000 đồng (lãi suất 1.825%/năm, gấp 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 300.000 đồng – 3.287 đồng = 296.713 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 13/8/2024, anh C cầm cố xe mô tô BKS 90B3-361.85 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh C số tiền 2.950.000 đồng. Trong ngày, C đến chuộc xe và trả T 3.300.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 300.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh C vay là 1.643 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 300.000 đồng (lãi suất 3.650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 300.000 đồng – 1.643 đồng = 298.357 đồng.

- Lần thứ 4: Ngày 17/8/2024, anh C cầm cố xe mô tô BKS 90B3-361.85 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh C số tiền 2.950.000 đồng. Trong ngày, C đến chuộc xe, trả T 3.300.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 300.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh C vay là 1.643 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 300.000 đồng (lãi suất 3.650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 300.000 đồng – 1.643 đồng = 298.357 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của C là **1.387.948 đồng**.

18. Trần Hữu N3, sinh năm 1996, cư trú tại thôn T, xã Y, thị xã D.

- Lần thứ 1: Ngày 05/3/2024, anh N3 cầm cố xe mô tô Honda Wave, BKS 29V3-3607 để vay của T số tiền 3.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh N3 số tiền 3.450.000 đồng. Ngày 08/3/2024, anh N3 đến chuộc xe và trả T 4.500.000 đồng. Trong 04 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 1.000.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh N3 vay là 7.671 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 1.000.000 đồng (lãi suất 2.607,1%/năm,

gấp 130,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng – 7.671 đồng = 992.329 đồng.

- Lần thứ 2: Ngày 04/4/2024, anh N3 cầm cố xe mô tô BKS 29V3-3607 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho N3 số tiền 2.950.000 đồng. Ngày 10/4/2024, N3 đến chuộc xe, trả Thu 5.500.000 đồng. Trong 07 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 2.500.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh N3 vay là 11.506 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 2.500.000 đồng (lãi suất 4.345,2%/năm, gấp 217,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng – 11.506 đồng = 2.488.494 đồng.

- Lần thứ 3: Ngày 24/7/2024, anh N3 cầm cố xe mô tô BKS 29V3-3607 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh N3 số tiền 2.950.000 đồng. Trong ngày, anh N3 đến chuộc xe và trả T 3.300.000 đồng. Trong 01 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 300.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh N3 vay là 1.643 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 300.000 đồng (lãi suất 3.650%/năm, gấp 182,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 300.000 đồng – 1.643 đồng = 298.357 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của N3 là **3.778.000 đồng**.

19. Nguyễn Như N4, sinh năm 2002, cư trú tại tổ dân phố E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Lần thứ 1: Một ngày cuối tháng 02/2024, anh N4 cầm cố xe mô tô Honda Wave A, BKS 90B3-438.82 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, 03 ngày sau anh N4 đến chuộc xe và trả T 3.300.000 đồng. Trong 04 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 300.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh Nguyễn V4 là 6.575 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 300.000 đồng (lãi suất 912,1%/năm, gấp 45,625 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền T thu lợi bất chính là 300.000 đồng – 6.575 đồng = **293.425 đồng**.

20. Vũ Ngọc L1, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

Ngày 03/7/2024, anh L1 cầm cố xe mô tô Honda Wave Anpha BKS 90B1-916.07 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 31/7/2024 L1 trả Thu 3.200.000 đồng nhưng chưa lấy xe về. Trong 29 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 200.000 đồng.

Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh L1 vay là 47.671 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 200.000 đồng (lãi suất 83,8%/năm, gấp 4,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Do đó, T thu tiền lãi của khoản vay này là hợp pháp.

Ngoài những lần T cho vay tiền và thu lãi như trên thì T còn cho một số người cầm cố xe mô tô để vay tiền. Tuy nhiên, giữa T và những người này không có thỏa thuận với nhau từ trước về mức lãi cụ thể, tại thời điểm cơ quan điều tra thu giữ xe mô tô thì T và những người này chưa thanh toán cho nhau nên không xác được được số tiền T tính lãi cho khoản vay này, gồm:

1. Bạch Công T2, sinh năm 1988, cư trú tại Đ, phường Đ, thị xã D.

- Ngày 03/7/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-005.49, vay của T 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho Toà số tiền 4.950.000 đồng. Đến nay anh T2 vẫn chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

- Ngày 17/8/2024, anh T2 cầm cố xe mô tô Honda SH 150i BKS:90B3-605.73, vay của T 13.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T2 số tiền 9.950.000 đồng và đưa cho anh Toà 3.500.000 đồng tiền mặt. Đến nay anh T2 vẫn chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

2. Nguyễn Phương K, sinh năm 2005, cư trú tại tổ dân phố F, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Ngày 19/8/2024, anh K cầm cố xe mô tô Honda Wave Anpha BKS 90B3-512.90, vay của T số tiền 4.000.000 đồng. Đến nay anh K vẫn chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

3. Phạm Đức D, sinh năm 2006, cư trú tại tổ dân phố Đ, phường Y, thị xã D.

- Ngày 05/8/2024, anh D cầm cố xe mô tô BKS 90B2-448.58, vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh D số tiền 3.950.000 đồng. Đến nay, anh D chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

4. Trần Công T3, sinh năm 2001, trú tại thôn M, xã T, thị xã D.

- Ngày 20/8/2024, anh T3 cầm cố xe mô tô BKS 90LD-400.19 để vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho T3 số tiền 3.950.000 đồng. Đến nay, T3 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

5. Phạm Văn H, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

- Ngày 14/8/2024, H cầm cố xe mô tô BKS 29Y3-582.41 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho H số tiền 2.950.000 đồng. Đến nay, anh H chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

6. Đào Văn D1, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố A L, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Ngày 02/8/2024, anh D1 cầm cố xe mô tô Honda Blade, BKS 90B1-871.35, vay của T số tiền 2.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh D1 số tiền 2.450.000 đồng. Đến nay, anh D1 chưa tra tiền cho T.

- Ngày 22/8/2024, anh D1 cầm cố xe mô tô Honda Wave S, BKS 59P1-131.34 vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển

cho anh D1 số tiền 2.950.000 đồng. Đến nay, anh D1 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

7. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1995, cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Ngày 28/7/2024, anh H2 cầm cố xe mô tô BKS 90B1-673.51 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh H2 số tiền 1.950.000 đồng. Đến nay, anh H2 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

8. Thạch Quang V, sinh năm 2008, cư trú tại tổ dân phố V, phường Y, thị xã D.

- Ngày 13/8/2024, V cầm cố xe mô tô BKS 90F7-2779 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho V số tiền 1.950.000 đồng. Đến nay, V chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

9. Kiều Quang T4, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố V, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Ngày 03/4/2024, anh T4 đến cầm cố xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen (không nhớ BKS) để vay của T số tiền 4.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T4 số tiền 3.950.000 đồng. Anh T4 sau đó không trực tiếp lấy xe, trả lãi nên không xác định được số tiền T tính lãi cho khoản vay này.

10. Nguyễn Như C, sinh năm 1992, cư trú tại tổ dân phố E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Ngày 19/8/2024, anh C cầm cố xe mô tô BKS 90B3-361.85 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh C số tiền 2.950.000 đồng. Đến nay, anh C chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

11. Trần Hữu N3, sinh năm 1996, cư trú tại thôn T, xã Y, thị xã D.

- Ngày 24/7/2024, anh N3 cầm cố xe mô tô BKS 29V3-3607 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh N3 số tiền 2.950.000 đồng. Đến nay, anh N3 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

12. Nguyễn Như N4, sinh năm 2002, cư trú tại tổ dân phố E, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

- Ngày 07/8/2024, anh N4 cầm cố xe mô tô BKS 90B3-438.82 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng. Đến nay, anh N4 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

13. Lưu Văn Đ, sinh năm 2003, cư trú tại tổ dân phố T, phường C, thị xã D.

Ngày 19/8/2024, anh Đ cầm cố chiếc xe mô tô Honda Airblade màu đen, BKS 90AF-02392 để vay của T số tiền 7.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh Đ số tiền 6.950.000 đồng. Đến nay, anh Đ chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

14. Bùi Đình Hồng V1, sinh năm 2005, cư trú tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D.

Ngày 03/8/2024, anh V1 cầm cố xe mô tô Honda Vision chưa đăng ký, lắp BKS 29Y3-420.29 vay của T số tiền 5.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh V1 số tiền 4.950.000 đồng. Đến nay, anh V1 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

15. Đỗ Văn T6, sinh năm 1998, cư trú tại thôn C P, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Ngày 11/8/2024, cầm cố xe mô tô Honda Dream, BKS 90B1-717.38 để vay của T số tiền 2.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho T6 số tiền 2.450.000 đồng. Đến nay, anh T6 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

16. Lê Đức Tuấn A, sinh năm 1997, cư trú tại thôn G, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

Ngày 22/8/2024, anh Tuấn A cầm cố xe mô tô Honda Wave, BKS 29F1-125.22 để vay của T số tiền 4.500.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh Tuấn A số tiền 3.950.000 đồng và đưa cho Tuấn A 500.000 đồng tiền mặt. Đến nay, anh Tuấn A chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

17. Bùi Anh T7, sinh năm 2005, cư trú tại xóm B, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 18/8/2024, anh T7 cầm cố xe mô tô Honda Winner, BKS 88E1-250.71 để vay của T số tiền 2.000.000 đồng, T lấy 50.000 đồng phí chuyển khoản rồi chuyển cho anh T7 số tiền 1.950.000 đồng. Đến nay, anh T7 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

18. Trần Ngọc L2, sinh năm 2006, cư trú tại tổ dân phố B, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam.

Ngày 29/7/2024, anh L2 cầm cố xe mô tô Honda Wave, BKS 90B3-163.60 để vay của T số tiền 3.000.000 đồng. Đến nay, anh L2 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

19. Phạm Văn T8, sinh năm 1995, cư trú tại thôn T, xã K, huyện Ứ, thành phố Hà Nội.

Ngày 19/8/2024, anh T8 cầm cố xe mô tô Honda Wave, BKS 29H1-859.58 để vay của T số tiền 4.000.000 đồng. Đến nay, anh T8 chưa trả tiền cho T để chuộc xe về.

Như vậy, Vũ Thị T đã cho 27 người vay 67 lần với tổng số tiền 260.200.000 đồng. Trong đó, có 21 lần cho vay tổng số tiền 84.000.000 đồng T chưa thu tiền lãi của người vay; 01 lần cho vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 83,8%/năm, gấp 4,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; 45 lần cho vay tổng số tiền là 173.200.000 đồng với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm được quy định trong Bộ luật dân sự (lãi suất từ 173,7%/năm đến 9.125%/năm, gấp từ 8,6 đến 456,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền lãi T đã thu được là 47.400.000 đồng, trong đó tiền lãi suất hợp pháp T được hưởng là 660.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 46.740.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền mà Vũ Thị T đã thu lợi bất chính thì những người vay: anh Bạch Công T2, anh Nguyễn Phương K, anh Phạm Đức D, anh Phạm Văn H, anh Đào Văn D1, anh Thạch Quang V, anh Nguyễn Như C, anh Trần Hữu N3 và anh Nguyễn Như N4 không yêu cầu T phải trả lại họ. Đối với những người vay: anh Nguyễn Như N1, anh Trần Công T3, anh Nguyễn Minh Q, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Kế L, anh Trần Doãn K1, anh Nguyễn Văn Q1, anh Kiều Quang T4, anh Nguyễn Trường T5, anh Lê Đức K2 thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 06/2/2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1; khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt Vũ Thị T từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Vũ Thị T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, mỗi tháng số tiền: 1.000.000đ sung ngân sách nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị T từ 40 đến 60 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp: Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 biển kiểm soát 29Y3-420.29. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 12 ProMax. Trả lại cho Vũ Thị T: số tiền 55.500.000đ tuy nhiên cần giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo. Truy thu đối với bị cáo Vũ Thị Thu S ngân sách nhà nước: tiền gốc: 173.200.000đ; tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự: 660.000đ. Buộc bị cáo Vũ Thị T trả lại cho anh Nguyễn Như N1 số tiền: 2.278.000đ; trả lại cho anh Trần Công T3 số tiền: 2.832.046đ; trả lại cho anh Nguyễn Minh Quân S1 tiền: 994.522đ; trả lại cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền: 1.190.137đ; trả lại cho anh Nguyễn Kế L số tiền: 590.411đ; trả lại cho anh Trần Doãn K1 số tiền: 3.125.755đ; trả lại cho anh Nguyễn Văn Q1 số tiền: 938.631đ; trả lại cho anh Kiều Quang T4 số tiền: 497.809đ; trả lại cho anh Nguyễn Trường T5 số tiền: 1.460.550đ; trả lại cho anh Lê Đức K2 số tiền: 10.438.357đ và tuyên án phí đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Thị T xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng, phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8/2023 đến ngày 22/8/2024, tại nhà của mình thuộc tổ dân phố T, phường D, thị xã D, Vũ Thị Thu nhận cầm cố tài sản là xe mô tô để cho vay tiền lấy lãi, trong đó 45 lần cho vay tổng số tiền gốc là 173.200.000 đồng với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm được quy định trong Bộ luật dân sự (lãi suất 173,7%/năm đến 9.125%/năm, gấp 8,6 đến 456,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), số tiền lãi T đã thu được là 47.400.000 đồng, trong đó tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự là 660.000 đồng, tổng số tiền lãi T đã thu lợi bất chính của những người vay là 46.740.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Vũ Thị T gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay làm cho người vay phải chịu mức lãi suất cao so với quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo mang tính chất bóc lột làm cho người vay đã khó khăn càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân rất xấu; bị cáo cố ý phạm tội khi đang có tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ nhận định trên nhận thấy bị cáo có nhân thân xấu, không chịu cải sửa lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật vì thế cần căn cứ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ ấn định mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính vì thế cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về hành vi khác:

Đối với Lê Văn K3 có một số lần thực hiện việc chuyển tiền cho khách vay và nhận tiền khách trả tuy nhiên K3 không tham gia thoả thuận với người vay, không biết Thu nhận cầm cố tài sản để cho khách vay tiền với lãi suất cao, do đó cơ quan điều tra không xử lý Lê Văn K3 là phù hợp.

Theo kết quả sao kê số tài khoản 1040191971999 và số tài khoản 6298988668 mở tại ngân hàng M2 của Vũ Thị T và số tài khoản 1032320011 mở tại ngân hàng M3 của anh Lê Văn K3, có nhiều giao dịch chuyển khoản đi với số tiền lẻ 50.000 đồng, những giao dịch này có nghi vấn liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của T. Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã gửi Văn bản phối hợp

đến các ngân hàng mà các số tài khoản có nghi vấn liên quan đến hành vi phạm tội của T đăng ký mở tài khoản ở đó để thu thập thông tin cá nhân của những số tài khoản trên nhằm xác minh, làm rõ. Tuy nhiên, số lượng tài khoản giao dịch là rất lớn (512 số tài khoản) mở tại nhiều ngân hàng, đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời của các ngân hàng. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục tiến hành xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Bạch Công T2 ngày 17/8/2024 có hành vi mượn xe của anh Trần Anh D2 sau đó mang đi cầm cố, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Bạch Công T2 về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* giải quyết trong vụ án khác.

Đối với hành vi của Vũ Thị T đã cầm cố xe và cho các các anh Nguyễn Phương K, Phạm Đức D, Phạm Văn H, Đào Văn D1, Thạch Quang V, Nguyễn Như C, Trần Hữu N3, Nguyễn Như N4, Lưu Văn Đ, Bùi Đình Hồng V1, Đỗ Văn T6, Lê Đức Tuấn A, Bùi Anh T7, Trần Ngọc L2, Phạm Văn T8, Bạch Công T2, Trần Công T3, Nguyễn Văn H2, Kiều Quang T4 vay tiền; xét thấy khi vay tiền giữa Vũ Thị T và những người vay không thoả thuận về mức lãi suất, đến khi cơ quan chức năng phát hiện thì những người vay chưa lấy xe mô tô về và giữa các bên cũng chưa thanh toán gốc, lãi nên không có căn cứ điều tra, làm rõ.

Đối với hành vi của Vũ Thị T ngày 03/7/2024 cầm cố xe mô tô BKS 90B1-916.07 để cho anh Vũ Ngọc L1 vay số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 31/7/2024 anh L1 trả T 3.200.000 đồng nhưng chưa lấy xe về. Trong 29 ngày, T đã thu tiền lãi của khoản vay trên là 200.000 đồng. Lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự T được hưởng khi cho anh L1 vay là 47.671 đồng, tiền lãi thực tế T đã thu là 200.000 đồng (lãi suất 83,8%/năm, gấp 4,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Do đó, T thu tiền lãi của khoản vay này là hợp pháp.

[6] Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Đối với các xe mô tô sau đây đến nay cơ quan điều tra vẫn chưa làm rõ được nguồn gốc nên cần tách ra xác minh, xử lý sau:

Xe mô tô Wave Anpha 90LD-400.19, có số khung: RLHJA3914KY326886, số máy: JA39E-1191822.

Xe mô tô Wave, màu sơn đen, không mang biển kiểm soát, không có số khung, số máy, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 29-7 3.

Xe mô tô Wave, màu sơn đen bạc, không mang biển kiểm soát, không có số khung, số máy, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 14-7 3.

Xe mô tô Wave RSX, màu sơn đỏ đen, mang biển kiểm soát: 89L3-0815, có số khung: RLHJC432XAY529538, số máy: JC43-5655027, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 21-8 3.

Xe mô tô BLADE, màu sơn đen trắng bạc, mang biển kiểm soát: 29Y3-654.33, có số khung: RLHJA3685MY015777, số máy: JA36E1046125, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 16-8 4T5.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ đen, mang biển kiểm soát: 98M4-2167, có số khung: RLHHC09026Y216598, số máy: HC09E6216573, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 23-7 3.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B3-524.88, có số khung: RLHJA3927NY019046, số máy: JA39E2514916, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 16-8 5.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen bạc, mang biển kiểm soát: 28L1-210.27, có số khung: RLHJA3929NY105720, số máy: JA39E2602649, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 16-8 5.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng, mang biển kiểm soát: 28D1-006.44, có số khung: RLHHC1251FY061876, số máy: HC12E7061955, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 12-8 1T5.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe VISION, màu sơn đỏ đen, không mang biển kiểm soát, không có số khung, số máy, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 09-7 4.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Anpha, màu sơn đen bạc, mang biển kiểm soát: 90B1-673.51, có số khung: RLHHC121XDY216855, số máy: HC12E5216973, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 28/7 3.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu sơn xanh, không mang biển kiểm soát, có số khung: RLHJA3916KY233755, số máy: JA39E1093664, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 30-7 3.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AIRBLADE, màu sơn đen vàng đồng, mang biển kiểm soát: 90B3-350.12, có số khung: RLHJF633XKZ201320, số máy: JF94E-0003211, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 02-7 5.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ xám đen, mang biển kiểm soát 90B1-345.85, có số khung: RLHJC5220CY736904, số máy: JC52E-5240937, tình trạng đã qua sử dụng, trên yên xe có ghi số: 26-7 3.

Đối với các giấy tờ, tài liệu đã thu giữ của Vũ Thị T khi khám xét sau đây do chưa xác minh làm rõ được nên cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp:

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số X736091 mang tên Lê Văn Q3.

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số DL501540 mang tên Trần Thị M.

+ 01 giấy ủy quyền ruộng nông nghiệp ngày 10/11/2021 của Vũ Đình H4 (bản viết tay).

+ 01 giấy bán ruộng vĩnh viễn ngày 15/10/2020 của Trần Văn N6 (bản viết tay).

+ 01 đơn xin xác nhận ngày 26/9/2022 của Vũ Thị T (bản viết tay).

+ 01 giấy mua ruộng ngày 29/7/2020 của Vũ Thị T.

+ 01 biên bản cam kết quyền sử dụng đất ngày 01/01/2020 của Trần Thị M (bản đánh máy).

+ 01 giấy ủy quyền ngày 10/06/2022 của Vũ Văn M1 (bản viết tay).

+ 01 biên bản về việc cam kết chuyển quyền sử dụng đất 115 và 990 (bản đánh máy).

+ 01 giấy vay tiền của Nguyễn Đình H5, sinh ngày 02/10/1979.

+ 01 giấy vay tiền của Nguyễn Thành L3, sinh ngày 25/08/1997.

+ 01 giấy mượn xe của Hoàng Văn T19, sinh năm 1986, trú tại Đ, D, D.

Đối với 01 biển kiểm soát 29Y3-420.29 thuộc quyền sử dụng của anh Lê Đức Anh T16, anh T16 khai đã làm rơi, không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu cho tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, vỏ màu vàng, có số IMEI: 356717112850317, IMEI2: 356717113062250, bên trong lắp 01 sim Vittel, trên sim có dãy số: 8984048008812199930 thu giữ của Vũ Thị T, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, màu sơn đen bạc, BKS: 90B3-605.73, có số khung RLHKF4203MY006846, số máy: KF42E0029226 là tài sản hợp pháp của anh Trần Anh D2 nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Anh D2 là đúng.

Đối với các vật chứng, tài sản khác cơ quan điều tra đã xử lý là đúng nên không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền thu giữ của anh Nguyễn Phương K, Phạm Đức D, Phạm Văn H, Đào Văn D1, Thạch Quang V, Nguyễn Như C, Trần Hữu N3, Nguyễn Như N4, Lưu Văn Đ, Bùi Đình Hồng V1, Đỗ Văn T6, Lê Đức Tuấn A, Bùi Anh T7, Trần Ngọc L2, Phạm Văn T8 tổng cộng là 55.500.000 đồng là tiền gốc Vũ Thị T cho những người này vay, không chứng minh được liên quan đến tội phạm vì thế cần trả lại cho Vũ Thị T tuy nhiên cần giữ lại để đảm bảo thi hành án;

Đối với 04 người cầm cố xe mô tô vay tiền của T mà chưa trả tiền gốc và lãi cho T, cũng chưa giao nộp cho Cơ quan điều tra, gồm: Bạch Công T2 vay T 18.500.000 đồng; Trần Công T3 vay Thu 4.000.000 đồng; Nguyễn Văn H2 vay T 2.000.000 đồng và Kiều Quang T4 vay T 4.000.000 đồng; xét thấy đây là các giao dịch dân sự; quá trình điều tra không chứng minh được các giao dịch này vi phạm pháp luật vì thế cần tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khi đương sự có yêu cầu.

Đối với số tiền gốc Vũ Thị T đã bỏ ra cho vay lãi nặng tổng cộng 173.200.000đ là phương tiện phạm tội và tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 660.000đ có được do hành vi phạm tội, số tiền này bị cáo đã thu của những người vay vì thế cần truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền mà Vũ Thị T đã thu lợi bất chính của người vay tiền là 46.740.000đ, trong đó có 22.398.000đ T đã thu lợi bất chính gồm: thu của anh Bạch

Công T2 4.366.303 đồng, Nguyễn Phương K 4.936.165đ, Phạm Đức D 995.618 đồng, Phạm Văn H 3.579.179 đồng, Đào Văn D1 498.095 đồng, Thạch Quang V 2.566.579 đồng, Nguyễn Như C 1.387.948 đồng, Trần Hữu N3 3.778.180 đồng và Nguyễn Như N4 293.425 đồng thì những người này không yêu cầu T phải trả lại cho họ. Còn số tiền 24.342.000đ mà T đã thu lợi bất chính của anh Nguyễn Như N1 2.278.000 đồng, Trần Công T3 2.832.046 đồng, Nguyễn Minh Q 994.522 đồng, Nguyễn Văn H2 1.190.137 đồng, Nguyễn Kế L 590.411 đồng, Trần Doãn K1 3.125.755 đồng, Nguyễn Văn Q1 938.631 đồng, Kiều Quang T4 497.809 đồng, Nguyễn Trường T5 1.460.550 đồng, Lê Đức K2 10.438.357 đồng, thì T phải trả lại cho những người này.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị T phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Vũ Thị T: 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh H nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Vũ Thị T cho UBND phường D, thị xã D tỉnh Hà Nam là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án bị cáo phải thực hiện quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

* Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Vũ Thị T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, mỗi tháng số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

* Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị T số tiền: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 biển kiểm soát 29Y3-420.29.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 12 ProMax, vỏ màu vàng, có số IMEI: 356717112850317, IMEI2: 356717113062250, bên trong lắp 01 sim Vittel, trên sim có dãy số: 8984048008812199930.

Trả lại cho Vũ Thị T: số tiền 55.500.000đ nhưng được giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Truy thu đối với bị cáo Vũ Thị Thu S ngân sách nhà nước: tiền gốc: 173.200.000đ; tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự: 660.000đ.

Buộc bị cáo Vũ Thị T trả lại cho anh Nguyễn Như N1 số tiền: 2.278.000đ; trả lại cho anh Trần Công T3 số tiền: 2.832.046đ; trả lại cho anh Nguyễn Minh Quân S1 tiền: 994.522đ; trả lại cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền: 1.190.137đ; trả lại cho anh Nguyễn Kế L số tiền: 590.411đ; trả lại cho anh Trần Doãn K1 số tiền: 3.125.755đ; trả lại cho anh Nguyễn Văn Q1 số tiền: 938.631đ; trả lại cho anh Kiều Quang T4 số tiền: 497.809đ; trả lại cho anh Nguyễn Trường T5 số tiền: 1.460.550đ; trả lại cho anh Lê Đức K2 số tiền: 10.438.357đ.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo Vũ Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Cq CSĐT Công an Hà Nam;*
- *Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND thị xã Duy Tiên;*
- *Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;*
- *Bị cáo; Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*